

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP THAN - KHOÁNG SẢN VIỆT NAM
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

**PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐỊA CHẤT MỎ - TKV**

QUẢNG NINH, THÁNG 9 NĂM 2015

PHẦN THỨ NHẤT TÌNH HÌNH CHUNG CỦA CÔNG TY

1. Tên, địa chỉ doanh nghiệp

- Tên gọi: Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV
- Tên viết tắt: Công ty Địa chất mỏ - TKV
- Tên giao dịch quốc tế: Vinacomin - Mining Geology Company Limited
- Địa chỉ: Số 304, đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh
- Điện thoại: 84-33-3715066
- Fax: 84-33-3715067
- Website: www.minegeology.vn
- Giấy đăng ký kinh doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV số 5701436805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 27 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi **lần thứ 06 ngày 24 tháng 4 năm 2015**.

2. Khái quát quá trình hình thành và phát triển Công ty

Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV, tiền thân là Đoàn thăm dò 9 được thành lập theo Quyết định số 223/ĐC ngày 01 tháng 9 năm 1958 của Sở Địa chất thuộc Bộ công nghiệp nước Việt Nam dân chủ cộng hòa (nay là Nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam). Sau gần 7 năm hoạt động tìm kiếm thăm dò địa chất, do yêu cầu của nhiệm vụ, để tổ chức và quản lý có hiệu quả các lực lượng, phương án địa chất. Thủ tướng Chính phủ đã ban hành văn bản số 3132 ngày 07 tháng 11 năm 1964 cho phép Tổng cục địa chất nâng cấp Đoàn thăm dò số 9 thành Liên đoàn địa chất 9, dưới Liên đoàn có 16 Đoàn và Đội địa chất trực thuộc, làm nhiệm vụ tìm kiếm, thăm dò than vùng Hòn Gai và Cẩm Phả.

Ngày 11 tháng 12 năm 1973 Tổng cục địa chất ban hành Quyết định số 346/QĐTC giao nhiệm vụ cho Liên đoàn địa chất 9 tìm kiếm, thăm dò toàn vùng than Đông Bắc và tiếp nhận toàn bộ các Đoàn tìm kiếm, thăm dò than của Liên đoàn địa chất 2 ở vùng Phả Lại và Bãi Cháy. Sau khi tiếp nhận các đoàn địa chất của Liên đoàn địa chất 2, Liên đoàn địa chất 9 có 20 đơn vị trực thuộc với tổng số cán bộ công nhân viên 5.773 người, thực hiện nhiệm vụ tìm kiếm thăm dò than và các khoáng sản khác trên vùng Đông Bắc với diện tích 22.000km² thuộc địa phận các tỉnh Quảng Ninh, Hà Bắc, Hà Nội, Hải Phòng, Hà Nam Ninh, Hải Hưng, Thái Bình, Hà Sơn Bình...

Ngày 13 tháng 01 năm 1991 Bộ Công nghiệp nặng ban hành Quyết định số 03/CNNG - TC bàn giao Liên đoàn địa chất 9 sang Bộ Năng lượng.

Ngày 13 tháng 12 năm 1991 Bộ Năng lượng ban hành Quyết định số 609/NL/TCCB - LĐ đổi tên Liên đoàn địa chất 9 thành Công ty Địa chất và Khai thác khoáng sản, thực hiện nhiệm vụ tiếp tục thăm dò than Bể than Quảng Ninh và khai thác than.

Ngày 10/10/1994 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 563/TTg thành lập Tổng Công ty Than Việt Nam, trong đó Công ty Địa chất và Khai thác khoáng sản là đơn vị thành viên của Tổng Công ty.

Ngày 24 tháng 4 năm 2003 Tổng Công ty Than Việt Nam ban hành Quyết định số 616/QĐ- HĐQT về việc thành lập Công ty Địa chất mỏ - Doanh nghiệp thành viên hạch toán phụ thuộc Tổng Công ty (nay là Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam).

Ngày 01 tháng 5 năm 2003 Công ty Địa chất mỏ chính thức hoạt động theo mô hình tổ chức mới với nhiệm vụ chính là khảo sát, tìm kiếm thăm dò than và khoáng sản khác trên lãnh thổ Việt Nam, CHDCND Lào và Campuchia phục vụ yêu cầu phát triển của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Ngày 18 tháng 11 năm 2006 Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam ban hành Quyết định số 2445/QĐ- HĐQT về việc đổi tên Công ty Địa chất mỏ thành Công ty Địa chất mỏ - TKV.

Tiếp tục thực hiện sắp xếp, đổi mới phát triển và nâng cao hiệu quả doanh nghiệp Nhà nước; Năm 2010 Công ty lập Đề án chuyển Công ty Địa chất mỏ - TKV thành Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - Vinacomin đã được Tập đoàn phê duyệt theo Quyết định số 2322/QĐ - HĐTV vào ngày 28/9/2010; Năm 2014 Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - Vinacomin tiếp tục tái cơ cấu vào ngày 01/5/2014 đổi tên thành Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ -TKV.

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về cổ phần hóa doanh nghiệp 100% vốn nhà nước, ngày 07/02/2013 Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định 314/QĐ-TTg phê duyệt đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015; Văn bản số 2656/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh Đề án tái cơ cấu của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, theo đó Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV là một trong những đơn vị sẽ thực hiện cổ phần hóa chuyển sang hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần. Ngày 28/01/2015 Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam có Quyết định số 119/QĐ - TKV về việc cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV.

Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV đang tiến hành các thủ tục cổ phần hóa theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính Phủ và theo các văn bản hướng dẫn của Nhà nước hiện hành.

3. Ngành nghề kinh doanh

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Địa chất mỏ - TKV số 5701436805 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Quảng Ninh cấp lần đầu ngày 27 tháng 10 năm 2010, đăng ký thay đổi **lần thứ 06 ngày 24 tháng 4 năm 2015.**

Nội dung:

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110 (chính)
2	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
3	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
4	Khai thác quặng sắt	0710
5	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
6	Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón	0891
7	Khai thác muối	0893
8	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
9	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
10	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
11	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	8710
12	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan	6209
13	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
14	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
15	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
16	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
17	Khai khoáng khác chưa phân vào đâu	0899
18	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
19	Xây dựng nhà các loại	4100
20	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
21	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
22	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621
23	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
24	Dịch vụ liên quan đến in	1812
25	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
26	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
27	Phá dỡ	4311
28	In ấn	1811
29	Sửa chữa thiết bị	3314

4. Sản phẩm và dịch vụ chủ yếu

- Hoạt động thăm dò địa chất và nguồn nước;
- Hoạt động đo đạc bản đồ;
- Hoạt động tư vấn kỹ thuật có liên quan đến thăm dò địa chất và đo đạc bản đồ, vẽ bản đồ;

- Công tác Địa vật lý; kiểm tra và phân tích kỹ thuật;
- Hoạt động chăm sóc, điều dưỡng tập trung gồm tắm nước khoáng nóng và xoa bóp dưỡng sinh.

5. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

a) Mô hình quản lý của công ty

Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV gồm: Chủ tịch Công ty, Ban quản lý điều hành và Kiểm soát viên, các phòng ban chức năng và chi nhánh trực thuộc.

b) Cơ cấu tổ chức và bố trí nhân sự hiện nay:

b.1 Chủ tịch công ty : 1 người (không chuyên trách)

b.2 Ban quản lý điều hành : 06 người

- Giám đốc : 01 người

- Phó giám đốc : 04 người

- Kế Toán trưởng : 01 người

b.3 Kiểm soát viên : 01 người (không chuyên trách)

b.4 Các phòng ban chức năng: 14 phòng (trong đó có 03 phòng tham gia trực tiếp sản xuất)

- Văn phòng

- Phòng Tổ chức lao động tiền lương

- Phòng Tài chính kế toán

- Phòng Kế hoạch thống kê

- Phòng Đầu tư

- Phòng Vật tư

- Phòng Kỹ thuật sản xuất

- Phòng Cơ điện vận tải

- Phòng An toàn - Môi trường

- Phòng Thanh tra - Bảo vệ - Kiểm toán

- Phòng Địa chất: Vừa làm nội nghiệp và ngoại nghiệp

- Phòng Trắc địa: Tham gia trực tiếp sản xuất

- Phòng Hóa nghiệm: Tham gia trực tiếp sản xuất

- Phòng Vật lý: Tham gia trực tiếp sản xuất

b.5 Chi nhánh trực thuộc

- Chi nhánh Xí nghiệp Địa chất Đông Triều

b.6 Trung tâm, Đội, tổ thuộc Công ty

- Trung tâm Khoáng nóng địa chất

- Trạm Y tế

- Đội xe, Đội cơ khí

- Các tổ khoan

c) Danh sách Công ty mẹ, Công ty con, Công ty liên kết, các hợp đồng hợp tác KD

Công ty mẹ

Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam (Tập đoàn TKV)

Công ty con : (Không có)

Công ty liên kết, kiên doanh: (Không có)

(Sơ đồ tổ chức tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 01/4/2015 xem chi tiết tại Phụ lục số 01 kèm theo)

6. Phân loại lao động

- Tại thời điểm 01/4/2015 thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, tổng số cán bộ công nhân viên có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty là 1.107 người, cơ cấu như sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
I - Theo trình độ lao động	1.107	100
- Trên đại học	3	0,27
- Đại học	265	23,94
- Cao đẳng	24	2,17
- Trung cấp	62	5,60
- Công nhân kỹ thuật	713	64,41
- LĐ phổ thông	40	3,61
II - Phân theo HĐ lao động	1.107	100
- HĐ không xác định thời hạn	1.084	97,92
- Hợp đồng thời hạn 1- 3 năm	7	0,63
- HĐ thời vụ	16	1,45
III - Phân theo giới tính	1.107	100
- Nam	891	80,49
- Nữ	216	19,51

- Tại thời điểm 17/8/2015 (thời điểm Tập đoàn TKV, ban hành Quyết định phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV để cổ phần hóa), tổng số cán bộ công nhân viên có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty là 1.078 người, cơ cấu như sau:

Tiêu chí	Số lượng người	Tỷ lệ (%)
I - Theo trình độ lao động	1.078	100
- Trên đại học	4	0,37
- Đại học	271	25,14
- Cao đẳng	24	2,23

- Trung cấp	56	5,19
- Công nhân kỹ thuật	690	64,01
- LĐ phổ thông	33	3,06
II - Phân theo Hợp đồng lao động	1.078	100
- HĐ không xác định thời hạn	1.057	98,05
- Hợp đồng thời hạn 1- 3 năm	5	0,46
- HĐ thời vụ	16	1,48
III - Phân theo giới tính	1.078	100
- Nam	866	80,33
- Nữ	212	19,67

(Chi tiết danh sách lao động thường xuyên của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp ngày 17/8/2015, xem chi tiết Phụ lục số 02 kèm theo)

7. Vốn kinh doanh của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp, thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2015 theo sổ sách kế toán

a) Phân theo cơ cấu vốn:

* Tổng giá trị tài sản theo sổ sách kế toán tại ngày 01/4/2015 đã được cơ quan **thuế kiểm tra**, bao gồm:

Số TT	Loại tài sản	Số tiền (Tr.đ)	Tỷ lệ (%)
A	Tài sản ngắn hạn	186.206	67,07
1	Vốn bằng tiền	1.317	
2	Các khoản phải thu	75.612	
3	Hàng tồn kho	103.367	
4	Tài sản ngắn hạn khác	5.910	
B	Tài sản dài hạn	91.405	32,93
1	Tài sản cố định hữu hình	43.795	
	- Nhà cửa vật kiến trúc	20.028	
	- Máy móc thiết bị	17.069	
	- Phương tiện vận tải	6.698	
	- Thiết bị dụng cụ quản lý	0	
2	Tài sản thuê tài chính		
3	Tài sản cố định vô hình	1.828	
4	Xây dựng cơ bản dở dang	24.531	
5	Tài sản dài hạn khác	21.251	
	Tổng cộng tài sản (A+B)	277.611	100

b) Phân theo nguồn vốn:

Thực trạng tình hình tài chính công nợ của Công ty tại thời điểm **01/4/2015** theo số liệu sổ sách kế toán (**đã được cơ quan thuế kiểm tra**), cụ thể như sau:

STT	Nội dung	Số tiền (Tr.đ)	Tỷ lệ (%)
A	Vốn chủ sở hữu	71.419	25,73
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	80.747	
2	Vốn khác của chủ sở hữu	0	
3	Quỹ đầu tư phát triển	0	
4	Quỹ dự phòng tài chính	0	
5	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	-9.328	
B	Các khoản nợ	206.192	74,27
B.1	Nợ ngắn hạn	198.750	71,59
1	Phải trả người bán	49.779	
2	Người mua trả tiền trước		
3	Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	769	
4	Phải trả người lao động	25.202	
5	Chi phí phải trả	3.620	
6	Các khoản phải trả phải nộp khác	5.062	
7	Vay và nợ thuê tài chính	111.810	
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ BDH	2.508	
B.2	Nợ dài hạn	7.442	2,68
1	Vay và nợ thuê tài chính	7.442	
2	Phải trả dài hạn khác		
3	Quỹ phát triển khoa học công nghệ		
	Tổng cộng nguồn vốn (A+B)	277.611	100

Vốn kinh doanh của công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 01.4.2015 là 71.419 triệu đồng, trong đó: Vốn đầu tư của Chủ sở hữu là: 80.747 triệu đồng; Lợi nhuận quý I/2015 của công ty lỗ 9.328 triệu đồng làm giảm vốn kinh doanh tạm thời 9.328 triệu đồng.

Theo báo cáo tài chính Quý I năm 2015 công ty có kết quả SXKD hạch toán lỗ là: 9.328 triệu đồng. Nguyên nhân lỗ như sau:

Trên cơ sở kế hoạch phối hợp kinh doanh năm 2015 của công ty được Tập đoàn TKV giao, quý I năm 2015 Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ -TKV đã thực hiện được:

- Khối lượng: Khoan thăm dò 33.368,4 mét; Khảo sát được 1090 ha;
- Giá trị sản xuất thực hiện Quý I năm 2015 là: 117.825 triệu đồng.

Tuy nhiên do đặc thù công tác địa chất các phương án thi công có thời gian kéo dài, hầu hết các công trình còn dở dang chưa hoàn thành, doanh thu hoàn thành quý

I/2015 chỉ đạt là: 3.247 triệu đồng. Trong khi các chi phí quản lý công ty (TK642): 9.672 triệu đồng, chi phí lãi vay (TK635): 1.330 triệu đồng phát sinh trong quý I/2015 theo chế độ kế toán lại được kết chuyển hết trong kỳ dẫn đến lỗ quý I. Và khi kết thúc năm cũng là thời điểm Công ty chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (dự kiến 31/12/2015) thì Công ty sẽ có lãi. Tại thời điểm này Công ty sẽ được Tập đoàn quyết toán giá trị vốn nhà nước để bàn giao sang Công ty cổ phần. Trường hợp tại thời điểm chuyển đổi mà Công ty phát sinh lỗ mới phải thực hiện xử lý trách nhiệm tập thể, cá nhân liên quan theo điều 9, điều 10 Thông tư số 127/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính.

8. Tình hình hoạt động của doanh nghiệp 3 năm trước khi cổ phần hóa

a) Tình hình hoạt động kinh doanh

Số liệu cụ thể về kết quả SXKD 03 năm của Công ty với một số chỉ tiêu chủ yếu trước khi cổ phần hóa như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Thực hiện kế hoạch 3 năm		
			2012	2013	2014
1	Chỉ tiêu hiện vật				
	- Khoan máy	mét	142.853	115.194	118.970
	- Khảo sát trắc địa	ha	12.801	13.691	12.186
	- Báo cáo Địa chất		7	7	5
2	Doanh thu	tr.đ	520.371	423.652	434.534
	- Khoan TD	“	479.748	393.404	405.724
	- Khảo sát	“	13.291	11.224	11.595
	- Báo cáo Địa chất	“	7.350	4.242	5.215
	- SXKD khác	“	19.982	14.782	12.000
3	Lợi nhuận trước thuế	“	24.540	5.207	9.374
4	Lao động - Tiền lương				
	- Lao động bình quân	người	1.244	1.188	1.184
	- Tổng quỹ lương	tr.đ	120.662	106.027	108.904
	- Tiền lương bình quân	ngđ/ng/th	7.954	7.383	7.665
	- Đơn giá tiền lương	đ/1000	250	247	256
5	Nộp ngân sách	Tr.đ	17.529	22.776	28.647

- Sản phẩm chủ yếu của Công ty là công tác khoan thăm dò địa chất và khảo sát trắc địa, trong đó khoan thăm dò địa chất là chủ yếu, doanh thu hàng năm chiếm khoảng 90%, phần còn lại là công tác khảo sát trắc địa, lập báo cáo địa chất và các dịch vụ địa chất, dịch vụ ngâm tẩm khoáng nóng.

- Nguyên vật liệu:

+ Về nhiên liệu: Công ty tổ chức ký hợp đồng mua xăng dầu với các đơn vị đóng trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh (như là: Xí nghiệp Xăng dầu Quảng Ninh, Cửa

hàng Xăng dầu Công ty Than Quang Hanh...) về nguồn cung cấp ổn định theo nhu cầu sử dụng của Công ty. Do chi phí xăng dầu chiếm tỷ trọng lớn trong tổng chi phí cho sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy, giá cả xăng dầu là yếu tố ảnh hưởng lớn nhất đến lợi nhuận của Công ty.

+ Về vật tư: Nguồn cung cấp cung ứng vật tư chủ yếu của Công ty từ năm 2012 đến 2014 tương đối ổn định, được cung cấp bởi các Công ty chuyên kinh doanh vật tư phục vụ cho khoan thăm dò địa chất và khoan dầu khí (như là: Xí nghiệp Dịch vụ thiết bị vật tư, Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu mỏ Việt Bắc, Công ty Cổ phần chế tạo máy - Vinacomin, Công ty Cổ phần vật tư địa chất, Công ty TNHH Hóa chất gia dụng Đức Giang...). Do giá cả vật tư chủ yếu dùng cho công nghệ khoan truyền thống từ năm 2012 - 2014 ít biến động do đó ảnh hưởng ít đến lợi nhuận của Công ty. Ngoài vật tư chủ yếu cung cấp ở trong nước, Công ty nhập khẩu vật tư chủ yếu từ Úc phục vụ cho công nghệ khoan mẫu luôn do tỷ giá biến động làm ảnh hưởng rất lớn đến lợi nhuận của Công ty.

- Chi phí sản xuất: Đơn giá công tác khảo sát thăm dò hiện nay, đáp ứng đủ chi phí theo yêu cầu sản xuất, tuy nhiên lợi nhuận không cao, ít tính cạnh tranh do sản phẩm chủ yếu chỉ phục vụ cho quy hoạch sản xuất than của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

- Trình độ công nghệ: Đã đầu tư thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến, đáp ứng nhiệm vụ khảo sát, thăm dò trong và ngoài nước.

- Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm: Đối với khoan thăm dò ngoài công nghệ khoan lấy mẫu luôn đạt tỷ lệ lấy mẫu cao, đồng thời còn được kiểm tra chất lượng vỉa than bằng phương pháp Karota và phân tích hóa nghiệm mẫu được chứng nhận theo tiêu chuẩn VILAS.

- Công ty có bản quyền phần mềm báo cáo địa chất 5.0 và Logo thương hiệu được công nhận.

- Các hợp đồng lớn đang thực hiện: Hàng năm căn cứ theo kế hoạch khảo sát, thăm dò của Tập đoàn TKV, Công ty Địa chất mỏ được Tập đoàn TKV chỉ định ký hợp đồng với các Chủ đầu tư là các đơn vị sản xuất than, để thi công khối lượng khảo sát, thăm dò. Tổng giá trị được giao hàng năm khoảng 450 tỷ đến 500 tỷ đồng. Các hợp đồng lớn có giá trị từ 10 - > 50 tỷ đồng là khối lượng khoan thăm dò cho các Công ty sản xuất than như: Hà Lâm, Mông Dương, Khe Chàm, Cao Sơn, Đèo Nai, Thống Nhất, Quang Hanh, Hạ Long, Hòn Gai, Uông Bí, Mạo Khê, Vàng Danh, Dự án than Đồng bằng Sông Hồng.

b) Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong 3 năm trước khi cổ phần hóa.

+ Tình hình tài chính và kết quả SXKD trong 3 năm trước cổ phần hóa của Công ty được thể hiện qua bảng sau:

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
1	Tổng giá trị tài sản	trđ	355.814	373.618	308.881
2	Vốn nhà nước theo sổ sách kế toán	trđ	69.098	76.021	80.747
3	Nợ vay ngắn hạn	trđ	246.933	257.457	210.083
4	Nợ vay dài hạn	trđ	39.783	40.140	18.051
5	Nợ phải thu khó đòi	trđ			-108
6	Tổng số lao động	trđ	1.244	1.188	1.184
7	Tổng quỹ lương	trđ	120.662	106.027	108.904
8	Thu nhập bình quân 1 người/tháng	ngđ/ng/th	7.954	7.383	7.665
9	Các sản phẩm chủ yếu	mk	142.852,6	115.193,6	118.970
10	Tổng doanh thu	trđ	520.371	423.652	434.534
11	Tổng chi phí	trđ	495.831	418.445	425.160
12	Lợi nhuận thực hiện	trđ	24.540	5.207	9.374
13	Lợi nhuận sau thuế	trđ	18.325	3.019	7.312
14	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn nhà nước	%	27	4	9
15	Hệ số khả năng thanh toán	lần	1,15	1,16	1,05
16	Hệ số nợ phải trả trên vốn CSH	lần	4,15	3,91	2,83

(Theo số liệu BCTC đã được kiểm toán)

c) Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty:

Thuận lợi:

Công ty hàng năm được Tập đoàn TKV giao nhiệm vụ sản xuất kinh doanh, bằng nguồn vốn được trích trong giá thành của sản phẩm tiêu thụ và được quản lý tập trung tại Tập đoàn TKV để thực hiện công tác khảo sát, thăm dò theo quy hoạch phát triển ngành than của Tập đoàn TKV, do vậy về cơ bản Công ty có đủ việc làm cho người lao động. Ngoài kế hoạch SXKD được Tập đoàn TKV giao hàng năm, Công ty còn tổ chức các dịch vụ địa chất khác để tăng nguồn thu cho doanh nghiệp.

Khó khăn:

Công ty TNHH một thành viên Địa chất Mỏ - TKV là đơn vị làm nhiệm vụ khảo sát, thăm dò trong Tập đoàn TKV, địa bàn hoạt động rộng, diện sản xuất phần lớn ở những vùng đồi núi cao, vùng sâu vùng xa, vì vậy rất khó khăn trong công tác đi lại, vận chuyển thiết bị, vật tư, nguyên liệu phục vụ sản xuất, nhất là vào những tháng mùa mưa, gây rất nhiều khó khăn trong đời sống và việc đi lại của người lao động. Tuy nhiên khó khăn lớn nhất hiện nay là điều kiện thi công khoan thăm dò, vì phần lớn các phương án thăm dò đều thực hiện trong vùng đang sản xuất than, do việc nổ mìn trong khai thác nên làm ảnh hưởng lớn đến địa tầng khu vực thi công, hoặc phải khoan qua tầng bãi thải dày, bãi thải mới..., vì vậy các lỗ khoan thường gặp phải những sự cố

rất phức tạp như trượt tầng, sập lở, mất nước... nên năng suất giảm, chi phí sản xuất tăng để khắc phục những khó khăn trên.

Mặt khác đơn giá cho công tác khảo sát, thăm dò là đơn giá cố định, thường không được điều chỉnh kịp thời theo các chế độ chính sách mới và giá cả vật tư đầu vào thường có xu hướng ngày càng tăng, đây là khó khăn lớn ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất kinh doanh.

9. Tình hình sử dụng nhà xưởng, đất đai:

- Tổng diện tích đất đai Công ty đang quản lý, sử dụng là: 111.903,48m², trong đó:
+ Diện tích đất thuê: 106.555,48m², tại tỉnh Quảng Ninh để phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty

+ Diện tích đất giao: 5.348m², tại Gia Nghĩa - Đăk Nông để phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty (xây dựng Văn phòng làm việc và Trung tâm thí nghiệm phân tích mẫu).

+ Diện tích đất không có nhu cầu sử dụng: 0.0m²

- Diện tích nhà xưởng đang sử dụng: 13.820,37m²

- Diện tích nhà xưởng không cần sử dụng: 1.182 m² (Vị trí: Khu nhà ở tập thể 5 tầng tại tổ 1, khu 3, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh); hình thức xử lý giao trả lại cho địa phương quản lý vì tầng 1, tầng 2 đã thanh lý cho các hộ gia đình)

10. Giá trị thực tế của doanh nghiệp (DN) và giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã được Tập đoàn phê duyệt (theo quyết định số 1623/QĐ-TKV ngày 17/8/2015 của Tập đoàn TKV về việc phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV thời điểm 0h ngày 01/4/2015)

- Giá trị thực tế của DN để cổ phần hóa : 314.383.881.795 đồng

- Giá trị thực tế phần vốn nhà nước tại DN : 108.192.036.699 đồng

*** Tài sản không tính vào giá trị DN:**

a) Tài sản không cần dùng: 364.500.000 đồng , trong đó:

- Tài sản cố định: 0 đồng

- Chi phí XDCCB: 364.500.000 đồng, là khoản chi cho công tác Xây dựng Quy hoạch khu di tích địa điểm khai thác than đầu tiên của Việt Nam tại Yên thọ - Đông Triều Quảng Ninh, đây là công trình phúc lợi của Tập Đoàn TKV được Tập đoàn TKV đầu tư bằng các quỹ và nguồn vốn xã hội hóa, giao Công ty là chủ đầu tư. Công trình này không tham gia vào hoạt động SXKD của Công ty, do vậy được loại trừ khi xác định giá trị doanh nghiệp. Công ty sẽ lập phương án và báo cáo Tập đoàn xem xét về hình thức đầu tư, quản lý, sử dụng đối với công trình này sau khi Công ty chuyển sang Công ty Cổ phần.

b) Tài sản chờ thanh lý (nguyên giá): 5.537.171.005 đồng, đã hết khấu hao.

Toàn bộ số tài sản trên Công ty sẽ tiếp tục thực hiện thanh lý theo quy định. Trường hợp đến khi chuyển sang Công ty Cổ phần chưa thanh lý được thì bàn giao về Công ty mẹ TKV theo quy định.

c) Tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi: Nguyên giá: 756.169.945 đồng, đã khấu hao hết.

Tài sản này sẽ bàn giao cho tổ chức Công đoàn tại Công ty Cổ phần quản lý và sử dụng để phục vụ tập thể người lao động trong Công ty Cổ phần.

d) Tài sản khác: Là nhà ở Tập thể của CBCNV cơ quan Công ty đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách từ năm 1983: Nguyên giá: 1.372.000.000 đồng, đã khấu hao hết.

Tài sản này Công ty sẽ làm thủ tục bàn giao cho địa phương quản lý trong thời gian tới.

11. Những vấn đề khác cần xem xét và tiếp tục xử lý.

a) Vốn góp liên doanh, liên kết: Công ty không có khoản vốn nào tham gia liên doanh, liên kết tại thời điểm cổ phần hóa.

b) Đầu tư xây dựng cơ bản dở dang: 24.166.642.699 đồng là chi phí XD CB dở dang của công trình Dự án Khu Du lịch nghỉ dưỡng Đập nước Đá chông.

Giá trị công trình xây dựng cơ bản dở dang Công ty Cổ phần sẽ kế thừa và hoàn thiện.

c) Việc quản lý và sử dụng đất đai:

- Tiếp tục Quản lý và sử dụng đất đai theo phương án sử dụng đất Công ty đã trình đã trình UBND tỉnh Quảng Ninh và tỉnh Đắk Nông theo văn bản đã trình ngày 22/4/2015.

- Tiếp tục hoàn thiện việc thuê đất, đối với các khu đất hiện nay Công ty đang lập các thủ tục thuê đất, gồm khu đất xây dựng khu nghỉ dưỡng đập nước đá chông phường Cẩm Thủy, Cẩm Thạch và khu đất xây dựng Nhà ở CBCNV khu cọc 3, phường Cẩm Sơn, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

d) Kết quả sản xuất kinh doanh Quý I/2015 công ty lỗ là: 9.328 triệu đồng như phân tích ở mục 7 - Trang 8. Tuy nhiên đến 30/6/2015 theo Báo cáo tài chính đã được kiểm toán bởi Công ty Kiểm toán độc lập AAFC công ty chỉ còn lỗ là 420 triệu đồng. Công ty cam kết khi kết thúc năm tài chính 2015, cũng là thời điểm Công ty chính thức chuyển sang Công ty cổ phần (dự kiến 31/12/2015) kết quả SXKD sẽ không lỗ và hoàn lại số tiền 9.328 triệu đồng về vốn nhà nước. Cụ thể vấn đề này sẽ tiếp tục xem xét và xử lý tại thời điểm Công ty được Tập đoàn quyết toán giá trị vốn nhà nước để bàn giao sang Công ty cổ phần (dự kiến là 31.12.2015).

đ) Số lao động dôi dư cần giải quyết khi cổ phần hóa là: 14 người, chi tiết được nêu ở mục 9 Phần thứ hai phương án này.

PHẦN THỨ HAI

PHƯƠNG ÁN CỔ PHẦN HÓA

1. Cơ sở pháp lý.

- Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty Cổ phần; Nghị định số 189/2013/NĐ-CP ngày 20/11/2013 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty Cổ phần.

- Thông tư 127/2014/TT-BTC ngày 05/9/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn xử lý tài chính và xác định giá trị doanh nghiệp thực hiện chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty Cổ phần;

- Thông tư số 33/2012/TT-BLĐTBXH ngày 20/12/2012 của Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện một số chính sách đối với lao động theo nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển đổi doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty Cổ phần;

- Thông tư số 26/2013/TT-BTNMT ngày 26/9/2013 của Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc xác định diện tích đất loại trừ không tính vào giá trị doanh nghiệp quy định tại Điều 31 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty Cổ phần.

- Nghị định số 63/2015/NĐ-CP ngày 22/7/2015 của Chính phủ về việc quy định chính sách đối với người lao động dôi dư khi sắp xếp lại Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do nhà nước làm chủ sở hữu;

- Căn cứ Quyết định số 314/QĐ-TTg ngày 07/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than – Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2012 - 2015;

- Căn cứ Công văn số 2656/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh Đề án tái cơ cấu của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;

- Căn cứ Quyết định số 1098/QĐ-TKV ngày 18/6/2015 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc kiện toàn Ban chỉ đạo cổ phần hóa các doanh nghiệp thuộc TKV;

- Căn cứ Quyết định số 119/QĐ - TKV ngày 28/01/2015 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV;

- Căn cứ Quyết định số 120/QĐ-ĐCM ngày 03/02/2015 của Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV về việc thành lập Tổ công tác triển khai thực hiện Cổ phần hóa Công ty;

- Căn cứ Quyết định số 1623/QĐ-HĐTV ngày 17 tháng 8 năm 2015 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, Về việc Phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV (thời điểm 0h ngày 01/4/2015).

2. Hình thức và nguyên tắc Cổ phần hóa.

2.1. Hình thức cổ phần hóa.

Theo Điều 4 Nghị định 59/2011/NĐ - CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty Cổ phần có quy định các hình thức cổ phần hóa như sau:

a- Giữ nguyên vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp, phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

b- Bán một phần vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp hoặc kết hợp vừa bán bớt một phần vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ.

c- Bán toàn bộ vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp hoặc kết hợp vừa bán toàn bộ vốn nhà nước vừa phát hành thêm cổ phiếu để tăng Vốn điều lệ.

Căn cứ vào điều kiện sản xuất kinh doanh hiện nay và những năm sau của Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV, Công ty lựa chọn hình thức cổ phần hóa theo Khoản 2 Điều 4 Nghị định 59/2011/NĐ - CP cụ thể: *“Bán một phần Vốn nhà nước hiện có tại doanh nghiệp”*.

2.2. Mục tiêu, nguyên tắc cổ phần hóa

- Thực hiện mục tiêu của chính phủ về cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước theo Nghị định 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty Cổ phần, mục tiêu cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV bao gồm:

- Chuyển hình thức sở hữu 100% Vốn nhà nước thành hình thức đa sở hữu. Tạo sự thay đổi căn bản về phương thức quản lý, từng bước đầu tư đổi mới công nghệ, phát triển quy mô, nâng cao năng lực tài chính, năng lực sản xuất kinh doanh nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động hiện nay và trong tương lai;

- Huy động Vốn nhân rồi của cán bộ công nhân viên trong doanh nghiệp, của cá nhân, của các tổ chức kinh tế trong nước và ngoài nước để có điều kiện đầu tư phát triển, mở rộng phạm vi hoạt động trong nhiều lĩnh vực nhằm tăng doanh thu, tăng lợi nhuận và phát triển ổn định trong tương lai với phương châm: *“Duy trì sản xuất kinh doanh + Phát triển bền vững + Tăng thu nhập”*;

- Nâng cao vai trò làm chủ thật sự, gắn chặt trách nhiệm, công việc và quyền lợi của cổ đông, tạo động lực thúc đẩy trong công tác điều hành, quản lý sản xuất kinh doanh có hiệu quả, nâng cao thu nhập của người lao động, của cổ đông và góp phần tăng trưởng kinh tế đất nước.

- Điều kiện thuận lợi để cổ phần hóa

- Công ty luôn nhận được sự được sự hỗ trợ, chỉ đạo sâu sát, tận tình của Tập đoàn TKV nên đây cũng là điều kiện thuận lợi cho Công ty trong việc tổ chức thực hiện thành công quá trình cổ phần hoá.

- Lãnh đạo Công ty đã có sự chuẩn bị tích cực về mặt tư tưởng, tổ chức để quá trình cổ phần hoá diễn ra thuận lợi và thành công, đồng thời công tác tuyên truyền, phổ biến chủ trương, chính sách của Nhà nước về cổ phần hoá cho CBCNV đã được thực hiện .

- Toàn thể cán bộ công nhân viên của Công ty từ Ban lãnh đạo đến nhân viên đều thể hiện sự đồng thuận trong việc cổ phần hoá Công ty, sẵn sàng tham gia góp vốn cổ phần.

3. Tên gọi, địa chỉ của Công ty cổ phần

- Tên gọi đầy đủ tiếng Việt: **Công ty cổ phần Địa chất mỏ - TKV**

- Tên giao dịch quốc tế: **Vinacomin - Mining Geology Joint Stock Company.**

- Tên viết tắt: VMG

- Tên (ngắn gọn) giao dịch: Công ty cổ phần Địa chất mỏ

- Địa chỉ: Số 304, đường Trần Phú, phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh

- Điện thoại: 84 - 33 - 3715.066

- Fax: 84 - 33 - 3715.067

- Website: <http://www.minegeology.vn/>

4. Ngành nghề kinh doanh Công ty

TT	Tên ngành	Mã ngành
1	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan	7110 (chính)
2	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
3	Nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật	7210
4	Khai thác quặng sắt	0710
5	Khai thác quặng kim loại quý hiếm	0730
6	Khai thác khoáng hóa chất và khoáng phân bón	0891
7	Khai thác muối	0893
8	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
9	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng	1104
10	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610
11	Hoạt động của các cơ sở nuôi dưỡng, điều dưỡng	8710
12	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan	6209
13	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
14	Sản xuất máy chuyên dụng khác	2829
15	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
16	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
17	Khai khoáng khác chưa phân vào đâu	0899
18	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
19	Xây dựng nhà các loại	4100
20	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ	4210
21	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
22	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng (phục vụ tiệc, hội họp, đám cưới...)	5621

23	Dịch vụ phục vụ đồ uống	5630
24	Dịch vụ liên quan đến in	1812
25	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
26	Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)	3315
27	Phá dỡ	4311
28	In ấn	1811
29	Sửa chữa thiết bị	3314

5. Giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa tại thời điểm 0 giờ ngày 01 tháng 4 năm 2015 theo Quyết định số 1623/QĐ-TKV ngày 17 tháng 8 năm 2015 của Tập đoàn TKV về việc xác định giá trị doanh nghiệp Công ty:

Căn cứ vào Quyết định số 1623/QĐ-HĐTV ngày 17 tháng 8 năm 2015 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc Phê duyệt giá trị doanh nghiệp của Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV để cổ phần hóa (thời điểm 0h ngày 01/4/2015), giá trị thực tế thể hiện qua bảng dưới đây:

TT	TÊN TÀI SẢN	THEO SỐ KT	ĐÁNH GIÁ LẠI	CHÊNH LỆCH
A	<u>TÀI SẢN ĐANG DÙNG</u> <u>(I+II+III+IV)</u>	<u>277.246.921.227</u>	<u>314.383.881.795</u>	<u>37.136.960.568</u>
I	Tài sản cố định và đầu tư dài hạn	89.212.439.078	118.901.874.150	29.689.435.072
1	Tài sản cố định	67.961.274.226	97.555.440.298	29.594.166.072
a.	Tài sản cố định hữu hình	43.794.631.527	73.388.797.599	29.594.166.072
-	Nguyên giá tài sản cố định hữu hình	206.721.569.702	236.315.735.774	29.594.166.072
-	Khấu hao lũy kế tài sản cố định hữu hình	(162.926.938.175)	(162.916.938.175)	
b.	Tài sản cố định vô hình	-	-	
-	Nguyên giá tài sản cố định hữu hình	1.024.417.166	1.024.417.166	
-	Khấu hao lũy kế tài sản cố định hữu hình	(1.024.417.166)	(1.024.417.166)	
c.	Chi phí XDCB dở dang	24.166.642.699	24.166.642.699	-
2	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	21.251.164.852	21.346.433.852	95.269.000
3	Tài sản dài hạn khác			
a.	Chi phí trả trước dài hạn			
b.	Tài sản dài hạn khác			
II	Tài sản ngắn hạn	186.206.613.687	186.206.613.687	-
1	Tiền	1.316.885.266	1.316.885.266	-
a.	Tiền mặt tồn quỹ	174.521.215	174.521.215	-
b.	Tiền đang chuyển			
c.	Tiền gửi ngân hàng (bao gồm cả tương đương tiền)	1.142.364.051	1.142.364.051	-
2	Đầu tư tài chính ngắn hạn			

3	Các khoản phải thu	81.468.093.318	81.468.093.318	-
4	Hàng tồn kho	103.367.400.770	103.367.400.770	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	54.234.333	54.234.333	-
III	Giá trị lợi thế kinh doanh của doanh nghiệp		6.494.433.958	6.494.433.958
IV	Giá trị quyền sử dụng đất	1.827.868.462	2.780.960.000	953.091.538
B	TÀI SẢN KHÔNG CẢN DÙNG	364.500.000	364.500.000	
I	Tài sản dài hạn	364.500.000	364.500.000	
1	Tài sản cố định: - Nguyên giá	1.372.000.000	1.372.000.000	
	- Hao mòn lũy kế :	(1.372.000.000)	(1.372.000.000)	
2	Chi phí XDCB dở dang	364.500.000	364.500.000	
3	Hàng hoá tồn kho ứ đọng kém, mất phẩm chất			
II	Tài sản ngắn hạn			
C	TÀI SẢN CHỜ THANH LÝ	5.537.171.005	5.537.171.005	
I	Tài sản dài hạn	5.537.171.005	5.537.171.005	
II	Tài sản ngắn hạn			
D	TÀI SẢN HÌNH THÀNH TỪ QUÍ KHEN THƯỞNG, PL	0	0	
1	Tài sản cố định: - Nguyên giá	756.169.945	756.169.945	
	- Hao mòn lũy kế :	(756.169.945)	(756.169.945)	
	TỔNG GIÁ TRỊ TÀI SẢN CỦA DN (A+B+C+D)	277.611.421.227	314.748.381.795	37.136.960.568
	Trong đó:			
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ CỦA DN (MỤC A + D)	277.246.921.227	314.383.881.795	37.136.960.568
E1	NỢ THỰC TẾ PHẢI TRẢ	206.191.845.096	206.191.845.096	37.136.960.568
	TỔNG GIÁ TRỊ THỰC TẾ PHẦN VỐN NHÀ NƯỚC TẠI DOANH NGHIỆP (A-[E1+E2])	71.055.076.131	108.192.036.699	37.136.960.568

Tóm tắt kết quả xác định giá trị doanh nghiệp:

- Giá trị thực tế của doanh nghiệp là 314.383.881.795 đồng, trong đó giá trị thực tế của phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp là 108.192.036.699 đồng.

- Một số nội dung xác định kết quả doanh nghiệp như sau:

+ Giá trị vốn NN theo sổ sách tại thời điểm **01/4/2015**: 71.055.076.131đ

+ Giá trị vốn NN do Tư vấn đánh giá lại tại 01/04/2015: 108.192.036.699 đ

+ Giá trị vốn Nhà nước do TKV thẩm định: 108.192.036.699 đ

Chênh lệch vốn NN do xác định lại so với sổ sách tăng: 37.136.960.568đ

Nguyên nhân:

Tài sản đánh giá lại làm tăng vốn Nhà nước, bao gồm:

- Tài sản cố định đánh giá tăng: 29.594.166.072đ

- Tài sản dài hạn khác đánh giá tăng: 95.269.000đ
- Giá trị lợi thế kinh doanh: 6.494.433.958đ
- Giá trị quyền sử dụng đất: 953.091.538đ

*** Tài sản loại trừ không tính vào GTDN, gồm:**

- **Tài sản bàn giao cho địa phương:** Nhà tập thể 5 tầng Công ty đang quản lý được đầu tư bằng nguồn vốn ngân sách: Nguyên giá: 1.372.000.000đ, đã khấu hao: 1.372.000.000đ. Theo quy định tài sản này được bàn giao cho địa phương quản lý. Đề nghị Công ty thực hiện các thủ tục cần thiết để bàn giao cho địa phương theo đúng quy định.

- **Đối với tài sản không cần dùng, chờ thanh lý** là máy móc thiết bị, phương tiện vận tải, dụng cụ quản lý đã hết khấu hao. Công ty tiếp tục thực hiện thanh lý theo quy định. Trường hợp đến khi chuyển sang Công ty Cổ phần chưa thanh lý được thì bàn giao về Công ty mẹ TKV theo quy định.

- **Đối với chi phí xây dựng cơ bản dở dang** loại trừ có giá trị: 364.500.000đ. Đây là khoản chi phí cho công tác xây dựng quy hoạch khu di tích địa điểm khai thác than đầu tiên của Việt Nam tại Yên Thọ - Đông Triều - Quảng Ninh, là công trình phúc lợi của Tập đoàn được Tập đoàn đầu tư bằng các quỹ và nguồn vốn xã hội hóa, giao cho Công ty là chủ đầu tư. Theo đó đây không phải là tài sản của Công ty đưa vào phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh khi chuyển sang Công ty cổ phần nên phải được loại trừ. Công ty sẽ báo cáo Tập đoàn về hình thức quản lý, thực hiện khi Công ty chuyển sang Công ty Cổ phần.

- **Tài sản hình thành từ quỹ khen thưởng, phúc lợi:** Nguyên giá: 756.169.954đ, khấu hao lũy kế: 756.169.954đ. Đây là nhà rèn luyện thể chất công nhân được hình thành từ quỹ phúc lợi. Theo đó, Công ty bàn giao cho tổ chức Công đoàn Công ty quản lý theo quy định.

6. Vốn điều lệ và cơ cấu vốn điều lệ:

6.1. Vốn điều lệ

Căn cứ nhiệm vụ chính trị của Công ty; Để thực hiện SXKD bình thường đồng thời đảm bảo được quyền lợi của các cổ đông, cũng như quản lý, phát triển được nguồn vốn phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh sau khi chuyển sang Công ty Cổ phần, Công ty đề xuất Vốn điều lệ của Công ty Cổ phần được cơ cấu như sau:

- Vốn điều lệ Công ty Cổ phần : 108.000.000.000 đồng
- Mệnh giá một cổ phần : 10.000 đồng
- Số lượng cổ phần : 10.800.000 cổ phần

6.2. Cơ sở xác định vốn điều lệ:

Căn cứ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2014, Dự kiến thực hiện kế hoạch 2015; Kế hoạch sản xuất kinh doanh ba năm sau cổ phần hóa 2016-2018; kế hoạch đầu tư XD CB giai đoạn 2016-2018. Trên cơ sở vốn nhà nước thực có của công ty đến tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 01.4.2015 là 108.192.036.699 đồng.

Trên cơ sở tham khảo tại Điều 9 Thông tư số 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính về việc xác định vốn điều lệ của doanh nghiệp nhà nước.

Kết quả trên cơ sở thực tế nhu cầu vốn phục vụ hoạt động SXKD năm 2016 và các năm tiếp theo, để công ty giảm bớt áp lực vay vốn, giảm chi phí lãi vay ngân hàng, đảm bảo hệ số nợ phải trả trên vốn chủ sở hữu không vượt quá 3 lần, thì mức vốn điều lệ cần thiết đảm bảo cho hoạt động SXKD của công ty sau khi trở thành công ty cổ phần là 108.000.000.000 đồng.

6.3. Cơ cấu vốn điều lệ

Theo Quyết định số 119/QĐ-TKV ngày 28 tháng 01 năm 2015 của Tập đoàn Công nghiệp than - Khoáng sản Việt Nam, về việc cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV; Theo đó đối với Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV thì Tập đoàn TKV nắm giữ từ trên 50% đến 65% vốn điều lệ. Do đó, Công ty dự kiến tỷ lệ vốn nhà nước tại Công ty là 51% và cơ cấu vốn điều lệ khi chuyển sang hoạt động mô hình Công ty Cổ phần như sau:

TT	Cơ cấu vốn điều lệ	Số cổ phần	Số tiền (tr.đ)	Tỷ lệ %
1	Cổ phần nhà nước	5.508.000	55.080.000.000	51
2	Cổ phần bán ưu đãi cho người lao động theo số năm công tác	987.660	9.876.600.000	9,15
3	Cổ phần bán thêm cho người lao động theo số năm cam kết làm việc lâu dài cho Công ty	277.540	2.775.400.000	2,57
4	Cổ phần bán đấu giá công khai	4.026.800	40.268.000.000	37,28
	Tổng cộng	10.800.000	108.000.000.000	100

7. Đối tượng mua cổ phần, chính sách bán cổ phần ưu đãi và bán cổ phần ra bên ngoài

Đối tượng mua cổ phần bao gồm: Người lao động, Công đoàn Công ty và các nhà đầu tư trong và ngoài nước mua thông qua đấu giá (theo Điều 6 và Điều 48 Nghị định 59/2011/NĐ-CP)

a. Cổ phần bán cho người lao động

Cổ phần bán cho CBNV được thực hiện qua 2 hình thức, cụ thể

a.1. Cổ phần ưu đãi theo năm công tác thực tế làm việc tại khu vực nhà nước:

Theo quy định tại Khoản 1 Điều 48 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/07/2011 của Chính phủ về chuyên doanh nghiệp 100% vốn nhà nước thành Công ty Cổ phần thì giá bán cổ phần cho người lao động trong trường hợp này là “*giá bán bằng 60% giá đấu thành công thấp nhất (trường hợp đấu giá công khai trước) hoặc bằng 60% giá bán thành công thấp nhất cho các nhà đầu tư chiến lược (đối với trường hợp bán cho nhà đầu tư chiến lược trước)*”

- Tổng số lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (17/8/2015) là: 1.078 người; với số năm làm việc thực tế cho nhà nước là: 10.619 năm.

- Số lao động được mua cổ phần ưu đãi theo tiêu chuẩn làm việc trong khu vực Nhà nước: 1.009 người; với số năm công tác được mua ưu đãi: 10.607 năm. Tổng số: 1.060.700 cổ phần

- Số lao động không được mua cổ phần do chưa đủ 12 tháng làm việc thực tế tại Công ty và số lao động đã được mua cổ phần ưu đãi ở đơn vị khác trước khi chuyển đến làm việc tại Công ty: 69 người

- Số lao động đăng ký mua cổ phần ưu đãi: 989 người; tổng số 10.555 năm công tác (Có 20 người không đăng ký mua = 52 năm); Tổng số cổ phần ưu đãi người lao động đăng ký mua: 987.660 cổ phần, chiếm tỷ lệ 9,15% vốn điều lệ.

- Tổng giá trị cổ phần ưu đãi: 9.876.600.000 đồng

Thời gian thực hiện bán cổ phần cho CBCNV sẽ thực hiện sau khi bán đấu giá công khai ra công chúng.

(Danh sách người lao động, số năm công tác, số cổ phần từng người được mua ưu đãi được lập theo Phụ lục số 03+Phụ lục số 04 kèm thương phương án này)

a.2. Cổ phần ưu đãi mua thêm theo cam kết làm việc lâu dài cho doanh nghiệp ít nhất 03 năm

- Số lao động được quyền mua thêm cổ phần ưu đãi thuộc đối tượng Công ty cổ phần cần sử dụng và có cam kết làm việc lâu dài cho Công ty cổ phần ít nhất là 03 năm: 961 người; Tổng số cổ phần ưu đãi được mua thêm: 1.488.300 cổ phần.

- Số lao động đăng ký mua thêm cổ phần ưu đãi: 821 người

- Tổng số cổ phần ưu đãi người lao động đăng ký mua thêm: 277.540 cổ phần, chiếm tỷ lệ 2,57% vốn điều lệ.

- Tổng giá trị cổ phần ưu đãi đăng ký mua thêm: 2.775.400.000 đồng

(Danh sách người lao động và số cổ phần ưu đãi mua thêm của từng người được lập theo Phụ lục số 03 kèm theo phương án này).

b. Cổ phần bán ưu đãi cho tổ chức công đoàn: Không có

c. Cổ phần bán đấu giá cho nhà đầu tư chiến lược

Tại thời điểm xây dựng Phương án cổ phần hóa, không có Nhà đầu tư chiến lược đăng ký mua cổ phần của Công ty (theo tiêu chí lựa chọn nhà đầu tư chiến lược tại văn bản số 2961/TKV-TCNS ngày 30/6/2015 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam).

d. Cổ phần đấu giá ra bên ngoài

Căn cứ vào số lượng cổ phần Nhà nước nắm giữ, số cổ phần ưu đãi, quyền được mua và cổ phần mua thêm mà CBCNV Công ty đã đăng ký mua; việc tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần ra bên ngoài sẽ có mức là: 4.026.800 cổ phần, với tổng mệnh giá là: 40.268.000.000 đồng, chiếm: 37,28 % vốn điều lệ cho các nhà đầu tư thông qua đấu giá.

- Đối tượng tham gia đấu giá: các nhà đầu tư cá nhân, nhà đầu tư là tổ chức trong và ngoài nước. Những hạn chế đối với nhà đầu tư trong nước và nước ngoài khi tham gia mua cổ phần sẽ thực hiện theo quy định tại Khoản 4 và Khoản 5 Điều 6 Nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ.

8. Phương án chia quỹ phúc lợi khen thưởng cho người lao động

Căn cứ báo cáo quyết toán và Kế hoạch sử dụng Quỹ khen thưởng của Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV ngày 31 tháng 3 năm 2015.

Ngày 31 tháng 3 năm 2015 Ban quản lý điều hành Công ty và đại diện BCH công đoàn Công ty đã tổ chức họp và thống nhất phương án sử dụng quỹ phúc lợi và Quỹ khen thưởng phân chia cho người lao động tại thời điểm 01/4/2015 như sau:

a. Mốc thời gian và phương thức chia cho người lao động:

- Mốc thời gian để tính số năm công tác: Lấy mốc thời gian từ ngày 01/5/2003 (theo quyết định số 616/QĐ-HĐQT ngày 24/4/2003 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty Than Việt Nam, về việc thành lập Công ty Địa chất mỏ - Doanh nghiệp thành viên hạch toán phụ thuộc của Tổng công ty Than Việt Nam) đến 00h ngày 01/4/2015 (là thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp) để tính số năm công tác.

- Phương thức chia: Chia theo tổng số năm công tác (đủ 12 tháng) làm việc thực tế của người lao động cho Công ty Địa chất mỏ. Đối với phần tháng lẻ của tổng số năm làm việc thực tế của người lao động được quy định như sau:

- + Có số tháng lẻ của tổng số năm từ 01 tháng đến 6 tháng được làm tròn 0,5 năm
- + Có số tháng lẻ của tổng số năm từ 7 tháng đến 11 tháng được làm tròn 01 năm

b. Phương án chia quỹ phúc lợi, khen thưởng cụ thể:

- Tổng số dư bằng tiền từ Quỹ phúc lợi và Quỹ khen thưởng kết dư đến ngày 31/3/2015: 10.375.075.592 đồng.

- Tổng số tiền người lao động được chia theo phương án ở mục a (1.029 người) là: 7.999.156.500 đồng, **với mức phân phối bình quân 1.059.000đ/năm**

- Tổng số tiền để lại chi cho kế hoạch hoạt động chung về thi đua, văn hóa, phong trào, khen thưởng năm 2015 của Công ty: 2.375.919.092 đồng

(Có biên bản họp giữa Ban quản lý điều hành và BCH công đoàn Công ty kèm theo)

9. Kế hoạch giải quyết lao động dôi dư

- Tổng số lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp (0h ngày 01/4/2015): 1.107 người, trong đó nữ: 216 người.

- Tổng số lao động có tên trong danh sách thường xuyên của Công ty tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp (ngày 17/8/2015): 1.078 người, trong đó nữ: 212 người.

- Số lao động chuyển sang làm việc tại Công ty cổ phần: 1.051 người, trong đó nữ: 208 người.

- Số lao động nghỉ hưu theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội: 13 người.

- Số lao động dôi dư: 14 người, trong đó nữ: 05 người.

Chia ra:

+ Số lao động thực hiện theo Nghị định số 63/2015/NĐ-CP: 14 người

+ Số lao động thực hiện theo Bộ luật Lao động: 13 người.

Sau khi có quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa của Tập đoàn TKV thì Công ty giải quyết cho người lao động theo quy định của Nhà nước.

(Danh sách được lập theo từ Phụ lục số 05 đến Phụ lục số 09 kèm theo Phương án này)

10. Kế hoạch đào tạo lại lao động: Không có

11. Xác định giá bán khởi điểm cổ phần

Căn cứ thực trạng hoạt động, kết quả xác định GTDN, tiềm năng phát triển và đặc thù hoạt động kinh doanh của Công ty, tổ chức tư vấn đưa ra ba phương pháp định giá cổ phần gồm:

- Phương pháp tài sản ròng (BV);
- Phương pháp chiết khấu dòng cổ tức (DDM);
- Phương pháp chiết khấu dòng tiền tự do cho chủ sở hữu (FCFE)

Kết quả: Giá khởi điểm khi phát hành cổ phần lần đầu là 10.000 đồng/cổ phần.

(Có Báo cáo định giá cổ phần do Công ty CP Chứng khoán Tân Việt thực hiện kèm theo)

12. Kế hoạch tổ chức bán cổ phần lần đầu

- Thời gian: Trong thời hạn 45 ngày kể từ khi có quyết định phê duyệt phương án cổ phần hoá của Tập đoàn TKV.

- Nơi tổ chức bán đấu giá cổ phần: Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Phương thức bán cổ phần: Đấu giá công khai tại Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội.

- Giá khởi điểm: 10.000 đồng/cổ phần.

- Phương thức thanh toán và thời hạn thanh toán tiền mua cổ phần:

Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày công bố kết quả bán đấu giá cổ phần lần cuối cùng thành công, các nhà đầu tư hoàn tất việc mua bán cổ phần và chuyển tiền mua cổ phần vào tài khoản phong tỏa của Công ty. Việc mua bán cổ phần được thanh toán bằng tiền đồng Việt nam, thực hiện bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

13. Kế hoạch sử dụng tiền thu từ bán cổ phần thuộc vốn nhà nước (dự kiến theo giá khởi điểm).

- Giá trị phần vốn nhà nước của Công ty tại thời điểm quyết định xác định giá trị doanh nghiệp: 108.192.036.699 đồng.

- Giá trị cổ phần nhà nước nắm giữ tại Công ty Cổ phần: 55.080.000.000 đồng

a. Kế hoạch thu:

- Thu do bán bớt phần vốn nhà nước: 52.920.000.000 đồng
- Thu chênh lệch tăng do bán đấu giá cổ phần: 0 cổ phần x 0 đồng = 0 đồng.
- Phát hành thêm cổ phiếu: không

b. Kế hoạch chi:

- Giá trị ưu đãi cho người lao động: 3.950.640.000 đồng
- Chi phí cổ phần hoá: 499.935.000 đồng
- Chi phí đào tạo lại: 0 đồng
- Giải quyết chính sách cho lao động dôi dư **dự kiến tại thời điểm 01/11/2015:**

1.309.285.160 đồng

Số tiền còn lại 47.352.176.539 đồng được nộp về Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp tại Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam theo quy định của pháp luật, được cụ thể hóa bởi bảng sau:

TT	Khoản mục chi phí	Giá trị (đồng)
I.	Giá trị phần vốn nhà nước tại thời điểm xác định GTDN	108.192.036.699
II.	Vốn điều lệ tại Công ty cổ phần	108.000.000.000
III.	Giá trị cổ phần nhà nước nắm giữ tại Công ty cổ phần (51%)	55.080.000.000
IV.	Kế hoạch thu	53.112.036.699
1.	Thu do bán bớt phần vốn nhà nước	52.920.000.000
a.	<i>Bán ưu đãi cho người lao động (9,15%)</i>	<i>5.925.960.000</i>
b.	<i>Bán theo cam kết làm việc (2,57%)</i>	<i>2.775.400.000</i>
c.	<i>Bán cho nhà đầu tư bên ngoài (37,28%)</i>	<i>40.268.000.000</i>
2.	Thu chênh lệch giữa vốn nhà nước tại thời điểm xác định GTDN và vốn điều lệ tại Công ty cổ phần	192.036.699
V.	Kế hoạch chi	5.759.860.160
1.	Chi phí cổ phần hóa	499.935.000
2.	Chi phí giải quyết chính sách đối với lao động dôi dư	1.309.285.160
3.	Chi phí ưu đãi 40% người lao động	3.950.640.000
VI.	Thặng dư vốn chuyển về nhà nước VI=IV-V	47.352.176.539

14. Kế hoạch chi phí cổ phần hóa

Căn cứ Điều 12 Thông tư 196/2011/TT-BTC ngày 26/12/2011 về việc Hướng dẫn bán cổ phần lần đầu và quản lý, sử dụng tiền thu từ cổ phần hóa của các doanh

nghiệp 100% vốn nhà nước thực hiện chuyển đổi thành Công ty Cổ phần. Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV xây dựng kế hoạch chi phí cổ phần hóa như sau:

ĐVT: Đồng

TT	Khoản mục chi phí	ĐVT	S.L	Đơn giá	Thành tiền
I	Chi phí trực tiếp tại Công ty				98.935.000
1	Chi phí in ấn, tập huấn, tuyên truyền về cổ phần hoá	Hợp đồng	1	16.835.000	16.835.000
2	Chi phí kiểm kê, xác định giá trị tài sản	Công	111	357.077	40.000.000
3	Chi phí Lập phương án cổ phần hóa, xây dựng Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty cổ phần.	Công	48	357.077	17.100.000
4	Chi phí Đại hội công nhân viên chức để triển khai cổ phần hoá	Lần	1	10.000.000	10.000.000
5	Chi phí đại hội cổ đông lần đầu	Lần	1	15.000.000	15.000.000
II	Thuê tư vấn và DV khác				285.000.000
1	Thuê kiểm toán, tư vấn xác định giá trị doanh nghiệp	Hợp đồng	1	150.000.000	150.000.000
2	Chi phí hoạt động công bố thông tin, Bán CP tại SGD CK	Hợp đồng	1	20.000.000	20.000.000
3	Chi phí thuê tổ chức bán đấu giá cổ phần và ĐHCĐ	Hợp đồng	1	115.000.000	115.000.000
III	Chi phí Ban chỉ đạo và Tổ giúp việc				116.000.000
1	Ban Chỉ đạo (12 người)				56.000.000
2	Tổ giúp việc (20 người)				60.000.000
	Tổng cộng				499.935.000

15. Kế hoạch đăng ký giao dịch và niêm yết cổ phiếu của Công ty sau khi chuyển thành Công ty Cổ phần.

Theo quy định tại khoản 1, Điều 14, quyết định số 51/2014/QĐ-TTg ngày 15/9/2014 của Thủ tướng Chính phủ về “Một số nội dung về thoái vốn, bán cổ phần và đăng ký giao dịch, niêm yết trên thị trường chứng khoán của DNNN”:

Sau khi chuyển thành Công ty Cổ phần, trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty sẽ hoàn tất thủ tục đăng ký công ty đại chúng, đăng ký cổ phiếu để lưu ký tập trung tại Trung tâm lưu ký chứng khoán và đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch Upcom theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Trong trường hợp Công ty đáp ứng đầy đủ các điều kiện niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán, sau khi thực hiện các thủ tục để đưa cổ phiếu vào giao dịch trên thị trường chứng khoán theo quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều này, trong thời hạn tối đa một năm kể từ ngày được cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Công ty sẽ bỏ

sung hồ sơ để hoàn tất thủ tục niêm yết tại các sở giao dịch chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

16. Phương án sử dụng đất đã báo cáo cấp có thẩm quyền

Thực hiện quy định tại Điều 31 nghị định số 59/2011/NĐ-CP ngày 18/7/2011, Công ty đã lập phương án sử dụng đất báo cáo UBND tỉnh Quảng Ninh và tỉnh ĐakNông (nơi Công ty đang có đất tại địa phương) đề nghị phê duyệt phương án sử dụng đất của Công ty, cụ thể như sau:

a) Khu đất xây dựng trụ sở làm việc (Văn phòng Công ty)

- Địa điểm khu đất: Số 304, đường Trần Phú, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Hiện trạng khu đất:

+ Hiện trạng sử dụng: Làm trụ sở làm việc của Công ty.

+ Diện tích khu đất: 6.865m²

- Cơ sở pháp lý khu đất:

+ Quyết định số: 1033/1998/QĐ-UB ngày 23/3/1998 của UBND tỉnh Quảng Ninh V/v: Cho Công ty Địa chất và Khai thác khoáng sản (nay là Công ty TNHH một thành viên Địa chất Mỏ - TKV) thuê đất tại phường Cẩm Thành, Cẩm Phả để xây dựng trụ sở làm việc;

+ Hợp đồng thuê đất số 406/HĐTĐ ngày 02/12/2013 giữa UBND tỉnh Quảng Ninh và Công ty TNHH một thành viên Địa chất Mỏ -TKV.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Y746496 ngày 04/3/2004 của UBND tỉnh Quảng Ninh cấp cho Công ty Địa chất mỏ (nay là Công ty TNHH một thành viên Địa chất Mỏ - TKV).

- Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của đơn vị đến nay: Nhà nước cho thuê, trả tiền thuê đất hàng năm.

- Phương án sử dụng đất: Tiếp tục thuê đất làm trụ sở làm việc của Công ty.

b) Khu đất xây dựng trụ sở, đội xe.

- Địa điểm khu đất: Khu Đồi xôi, phường Cẩm Thành, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Hiện trạng khu đất:

+ Hiện trạng sử dụng: Làm trụ sở làm việc, đội xe của Công ty.

+ Diện tích khu đất: 4.113,46 m²

- Cơ sở pháp lý khu đất:

+ Quyết định số: 3865/QĐ-UB ngày 03/10/1997 của UBND tỉnh Quảng Ninh V/v: Cho Xí nghiệp thăm dò và khai thác than (nay là Công ty TNHH một thành viên Địa chất Mỏ - TKV) thuê đất tại phường Cẩm Thành, Cẩm Phả để xây dựng trụ sở làm việc, đội xe;

+ Hợp đồng thuê đất số: 07/HĐ/TĐ ngày 21/01/1998 của Sở Địa chính tỉnh Quảng Ninh;

+ Quyết định số: 5180/QĐ/TC-QLTSC ngày 28/12/2006 của UBND tỉnh Quảng Ninh V/v: Phê duyệt giá đất đối với khu đất của Công ty thuê 4.113,46 m² để làm kho xăng, dầu, khu nhà xưởng, nhà xe tại phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả.

+ Khu đất này Công ty đã xin chuyển mục đích sử dụng làm Nhà ở tập thể cho CBCNV, được UBND tỉnh đồng ý và phê duyệt tại Quyết định số: 2777/QĐ-UBND ngày 11/9/2009 của UBND tỉnh Quảng Ninh V/v: Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu nhà ở tập thể cho CBCNV của Công ty TNHH một thành viên Địa chất Mỏ - TKV tại phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả.

Quyết định số 2799/QĐ-UBND ngày 01/9/2011 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc phê duyệt giá thu tiền sử dụng đất đối với diện tích đất giao cho Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - TKV để xây dựng nhà ở tập thể cho CBCNV tại phường Cẩm Thành, thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của đơn vị đến nay: Nhà nước cho thuê, trả tiền thuê đất hàng năm.

- Phương án sử dụng đất: Tiếp tục thuê đất để xây dựng Nhà ở tập thể cho CBCNV Công ty theo qui hoạch được duyệt.

c) Đất xây dựng trụ sở, nhà xưởng phục vụ sản xuất kinh doanh.

- Địa điểm khu đất: Km5, phường Cẩm Thạch, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Hiện trạng khu đất:

+ Hiện trạng sử dụng: Làm trụ sở, nhà xưởng phục vụ sản xuất kinh doanh.

+ Diện tích khu đất: 7.462,4 m²

- Cơ sở pháp lý khu đất:

+ Quyết định số: 2497/QĐ-UBND ngày 25/8/2006 của UBND tỉnh Quảng Ninh V/v: Công ty TNHH một thành viên Địa chất Mỏ - TKV thuê 7.462,6m² đất để xây dựng trụ sở, nhà xưởng phục vụ sản xuất kinh doanh tại phường Cẩm Thạch, thị xã Cẩm Phả;

+ Hợp đồng thuê đất số 373/HĐTD ngày 18/11/2013 giữa UBND tỉnh Quảng Ninh và Công ty TNHH một thành viên Địa chất Mỏ -TKV.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BI462567 ngày 29/5/2013.

+ Biên bản bàn giao thực địa ngày 7/9/2006 của Sở Tài nguyên & Môi trường tỉnh Quảng Ninh với Công ty TNHH một thành viên Địa chất Mỏ - Vinacomin

- Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của đơn vị đến nay: Nhà nước cho thuê, trả tiền thuê đất hàng năm.

- Phương án sử dụng đất: Tiếp tục thuê đất làm trụ sở, nhà xưởng phục vụ sản xuất kinh doanh.

d) Khu đất xây dựng khu nghỉ dưỡng.

- Địa điểm khu đất: Km4, phường Cẩm Thạch, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Hiện trạng khu đất:

+ Hiện trạng sử dụng: Xây dựng khu nghỉ dưỡng phục vụ CBCNV Tập đoàn Than và Nhân dân địa phương.

+ Diện tích khu đất:

Diện tích thuê đất đang tạm trả tiền thuê đất hàng năm là: 4.798m².

Diện tích đất theo quy hoạch: 35.522m². (Trong đó đã bao gồm cả diện tích đất đang thuê trả tiền thuê đất hàng năm 4.798 m²).

- Cơ sở pháp lý khu đất:

+ Quyết định số 2054/QĐ-UBND ngày 08/7/2010 của UBND tỉnh Quảng Ninh V/v: Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu du lịch nghỉ dưỡng hồ Cẩm Thủy, tại thành phố Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh;

+ Quyết định số 3577/QĐ-UBND ngày 30/11/2010 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc điều chỉnh tên Qui hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500, Khu du lịch nghỉ dưỡng hồ Cẩm Thủy, thị xã Cẩm Phả;

+ Quyết định số 413/QĐ-VINACOMIN ngày 05/3/2012; Quyết định số 1472/QĐ-VINACOMIN ngày 03/7/2012 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về việc phê duyệt dự án và kế hoạch đấu thầu (giai đoạn 1) dự án: Khu nghỉ dưỡng Đập nước Đá Chồng.

- Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của đơn vị đến nay: Trả tiền thuê đất hàng năm.

- Phương án sử dụng đất: Tiếp tục thuê đất để xây dựng Khu nghỉ dưỡng phục vụ CBCNV Tập đoàn Than và Nhân dân địa phương.

đ) Khu đất trung dụng xây dựng làng Công nhân Địa chất 908.

- Địa điểm khu đất: Tổ 127, phường Cẩm Sơn, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.

- Hiện trạng khu đất:

+ Hiện trạng sử dụng: Xây dựng Làng Công nhân Địa chất đoàn 908.

+ Diện tích khu đất: 18.975 m²

Trong đó: Diện tích đất thuê, Công ty trả tiền thuê đất hàng năm: 6.581,02m².

Diện tích đất đã giao cho các hộ gia đình: 12.393,98 m².

- Cơ sở pháp lý khu đất:

+ Quyết định số: 1120/QĐ-UB ngày 12/9/1989 của UBND tỉnh Quảng Ninh V/v: Trưng dụng đất xây dựng;

- Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của đơn vị đến nay: Trả tiền thuê đất hàng năm.

- Phương án sử dụng đất: Tiếp tục thuê đất để xây dựng Nhà ở cho CBCNV.

e) Khu đất xây dựng trụ sở làm việc, kho Xí nghiệp Địa chất Đông Triều.

- Địa điểm khu đất: Xã Yên Thọ, huyện Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh.

- Hiện trạng khu đất:

+ Hiện trạng sử dụng: Làm trụ sở và kho.

+ Diện tích khu đất: 33.000 m²

- Cơ sở pháp lý khu đất:

+ Quyết định số: 3081/QĐ-UB ngày 08/9/2003 của UBND tỉnh Quảng Ninh V/v: Thu hồi 47.000 m² đất của Xí nghiệp Địa chất Đông Triều để giao cho UBND huyện Đông Triều quản lý và chuyển 33.000m² đất sang hình thức thuê đất cho Xí nghiệp Địa chất Đông Triều tại xã Yên Thọ để làm trụ sở làm việc và kho.

+ Hợp đồng thuê đất số: 28/HĐTĐ ngày 14/02/2014 của Sở tài nguyên & Môi trường tỉnh Quảng Ninh cho Xí nghiệp Địa chất Đông Triều thuê đất làm trụ sở và kho.

- Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của đơn vị đến nay: Nhà nước cho thuê, trả tiền thuê đất hàng năm.

- Phương án sử dụng đất: Tiếp tục thuê đất làm trụ sở và kho.

f) Khu đất thực hiện dự án cải tạo môi trường.

- Địa điểm khu đất: Thôn Trại Hà, xã Yên Thọ, thị xã Đông Triều.

- Hiện trạng khu đất:

+ Hiện trạng sử dụng: Cải tạo môi trường.

+ Diện tích khu đất: 13.011,6 m²

- Cơ sở pháp lý khu đất:

+ Quyết định số 5874/QĐ-UBND ngày 02/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Ninh về việc cho Chi nhánh Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - Vinacomin - Xí nghiệp Địa chất Đông Triều thuê đất để thực hiện dự án cải tạo môi trường khu vực hồ nước phí Đông Bắc trụ sở Xí nghiệp tại thôn Trại Hà, xã Yên Thọ, huyện Đông Triều.

+ Hợp đồng thuê đất số 114/HĐ-TD ngày 14/7/2015 giữa UBND tỉnh Quảng Ninh với Chi nhánh Công ty TNHH MTV Địa chất Mỏ - Vinacomin - Xí nghiệp Địa chất Đông Triều về việc thuê đất để thực hiện dự án cải tạo môi trường.

- Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của đơn vị đến nay: Nhà nước cho thuê, trả tiền thuê đất hàng năm.

- Phương án sử dụng đất: Tiếp tục thuê đất để thực hiện dự án cải tạo môi trường.

g) Khu đất xây dựng văn phòng làm việc và Trung tâm thí nghiệm.

- Địa điểm khu đất: Tại tổ dân phố 2, phường Nghĩa Đức, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông.

- Hiện trạng khu đất:

+ Hiện trạng sử dụng: Xây dựng Văn phòng làm việc và Trung tâm thí nghiệm.

+ Diện tích khu đất: 5.348 m².

- Cơ sở pháp lý khu đất:

+ Quyết định số: 1640/QĐ-UBND ngày 30/10/2009 của UBND tỉnh Đắk Nông V/v: Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất nông nghiệp sang đất chuyên dùng; đồng thời cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty Địa chất Mỏ - TKV (nay là Công ty TNHH một thành viên Địa chất Mỏ - TKV) để xây dựng văn phòng làm việc và Trung tâm thí nghiệm.

+ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AP697061 ngày 30/10/2009 của UBND tỉnh Đắk Nông cấp cho Công ty TNHH một thành viên Địa chất Mỏ - TKV.

- Nguồn gốc, quá trình sử dụng đất của đơn vị đến nay: Đất chuyển nhượng quyền sử dụng đất hợp pháp.

- Phương án sử dụng đất: Tiếp tục sử dụng để xây dựng Văn phòng làm việc và Trung tâm thí nghiệm.

Công ty đã có văn bản ngày 22/4/2015 báo cáo UBND tỉnh Quảng Ninh và UBND tỉnh Đắk Nông nơi có diện tích đất mà Công ty đang sử dụng và quản lý. Tại thời điểm xây dựng phương án chưa có ý kiến phê duyệt phương án sử dụng đất của các tỉnh. Hầu hết các lô đất trên là đất thuê trả tiền hàng năm, khi chuyển sang công ty cổ phần, Công ty chọn hình thức thuê đất trả tiền hàng năm nên không xác định giá trị quyền sử dụng đất vào giá trị doanh nghiệp; Riêng lô đất xây dựng Văn phòng làm việc và trung tâm thí nghiệm tại Phường Nghĩa Đức, thị xã Gia Nghĩa, tỉnh Đắk Nông được Tư vấn định giá tăng 953.091.538 đồng (theo quy định tại Điều 31 của Nghị định 59/NĐ-CP ngày 18/7/2011 của Chính phủ).

PHẦN THỨ BA PHƯƠNG ÁN ĐẦU TƯ VÀ ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TY SAU CỔ PHẦN HÓA

1. Phương hướng và mục tiêu

Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV là đơn vị thành viên của Tập đoàn TKV, Chủ sở hữu là Tập đoàn TKV, Công ty hoạt động theo luật doanh nghiệp; Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty được ban hành kèm theo quyết định số 2476/QĐ-TKV ngày 19/11/2014 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam.

Công ty chịu trách nhiệm về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trước Tập đoàn TKV, trên cơ sở Hợp đồng phối hợp kinh doanh được ký giữa Tập đoàn TKV và Công ty hàng năm. Nhiệm vụ SXKD chủ yếu của Công ty là thực hiện nhiệm vụ khảo sát, thăm dò để phục vụ các dự án khai thác than theo quy hoạch phát triển của Tập đoàn TKV. Ngoài ra Công ty còn tổ chức thực hiện các nhiệm vụ SXKD khác như các dịch vụ địa chất, trắc địa, dịch vụ ngâm tẩm khoáng nóng...

Năm 2015, Công ty đã ký hợp đồng phối hợp kinh doanh với Tập đoàn TKV về nhiệm vụ khảo sát, thăm dò theo kế hoạch được giao. Năm 2014 theo kế hoạch hướng

dẫn của Tập đoàn TKV, Công ty Địa chất mỏ đã lập kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm giai đoạn 2016 - 2020, trình Tập đoàn TKV tại văn bản số: 145/TTr-ĐCM, ngày 13/3/2014. kế hoạch SXKD giai đoạn 2016 - 2020 được xây dựng trên cơ sở:

- Kết quả thực hiện kế hoạch SXKD các năm 2011; 2012; 2013; 2014 dự kiến thực hiện năm 2015 của giai đoạn kế hoạch 2011 - 2015 chuyển sang cần phải thực hiện tiếp;

- Quyết định số: 60/QĐ-TTg ngày 9/1/2012 của Thủ tướng Chính phủ, về việc phê duyệt qui hoạch phát triển ngành than Việt Nam đến năm 2020, có xét triển vọng đến năm 2030;

- Khối lượng KSTD giai đoạn 5 năm 2016 - 2020 còn được xây dựng trên cơ sở các nhu cầu, nhiệm vụ cần phải thăm dò bổ sung, thăm dò khai thác của các Công ty sản xuất than và năng lực về lao động, thiết bị hiện có của Công ty.

Mức tăng trưởng dự kiến hàng năm từ 3-5%. Tổng khối lượng khoan thăm dò giai đoạn 2016 - 2018 là: 355.000 mét khoan; Doanh thu: 1.390.400 tr.đồng.

a. Nhiệm vụ thăm dò địa chất giai đoạn 2016 - 2018 chủ yếu tập trung vào các nhiệm vụ: Tiếp tục thi công các Đề án còn lại của giai đoạn 2011 - 2015 và thực hiện tiếp các đề án:

- Đề án TD mỏ Bảo Đài I, II (nếp lồm Bảo Đài)
- Đề án TD mỏ Bảo Đài III (nếp lồm Bảo Đài)
- Đề án TD mỏ Đông Triều - Phả Lại I, II, III, IV
- Đề án TD mỏ Cuộc Bê
- Đề án TD mỏ Đông Quảng Lợi
- Đề án TD Bể than Đồng Bằng Sông Hồng
- Các phương án thăm dò phục khai thác của các đơn vị sản xuất than.

b. Công tác khảo sát đo đạc địa hình kế hoạch 5 năm tiếp tục đo đạc các khu mỏ mới, đo đạc bổ sung bản đồ địa hình các khu mỏ đang khai thác; Ngoài ra còn thực hiện đo đạc kiểm tra khối lượng đất đá, than khai thác lộ thiên, đo quản trị tài nguyên ở các mỏ lộ thiên và hầm lò, đo kiểm tra tồn kho than đầu năm và cuối năm.

c. Nhiệm vụ sản xuất kinh doanh khác: Hoàn thiện cơ sở vật chất dự án khu đập nước Đá Chồng, để tăng doanh thu từ 7- 10% năm. Trong kế hoạch 5 năm gồm các dịch vụ địa chất, trắc địa, ngoài nhiệm vụ Tập đoàn TKV giao; Các dịch vụ khoáng nóng, dịch vụ địa chất khác với doanh thu hàng năm từ 25.000 - 35.000 tr.đồng; Trong đó:

- Dịch vụ địa chất, trắc địa: Có giá trị từ trên 10 – 20 tỷ đồng/ năm; Dịch vụ & Du lịch Địa chất, khoáng nóng: từ 10 – 15 tỷ đồng/ năm.

2. Công tác đầu tư phát triển

- Tiếp tục đầu tư đổi mới thiết bị công nghệ hiện đại phù hợp, đáp ứng công tác khảo sát, thăm dò để duy trì và phát triển các mỏ hiện tại đồng thời mở thêm các mỏ mới theo định hướng phát triển của Ngành Than trên cơ sở qui hoạch ngành, vùng đã được phê duyệt, thông qua.

- Đầu tư các công trình nhà ở cho CBCNV và các công trình phù trợ khác với mục tiêu tăng cường năng lực, duy trì và phát triển sản xuất đáp ứng điều kiện làm việc, ăn ở, sinh hoạt cho CBCNV.

3. Về vốn kinh doanh

Trên cơ sở thực tế kết quả hoạt động sản xuất của Công ty các năm gần đây 2010-2015; dự kiến kế hoạch sản xuất kinh doanh từ 2016-2018 và các năm tiếp theo. Công ty xây dựng mức vốn điều lệ là 108.000.000.000 đồng, là mức vốn cần thiết để Công ty tổ chức hoạt động sản xuất kinh doanh: đầu tư đổi mới thiết bị, dây chuyền công nghệ duy trì sản xuất, đảm bảo vốn lưu động chi trả lương cho người lao động, mua vật tư, chi trả nợ, ... Bên cạnh đó trong từng thời điểm cụ thể tùy theo nhu cầu vốn, Công ty có thể huy động vay ngắn hạn các ngân hàng thương mại để đáp ứng nhu cầu vốn lưu động phục vụ sản xuất hoặc vay dài hạn để đầu tư các dự án theo kế hoạch được Tập đoàn phê duyệt. Tuy nhiên phải đảm bảo hệ số nợ không vượt quá 3 lần theo quy định của Nhà nước.

4. Về công tác quản lý và tổ chức kinh doanh

- Tập trung chỉ đạo SXKD theo nội dung chương trình hành động, Nghị quyết của Đảng bộ, Nghị quyết Hội nghị Người lao động năm 2015, nhằm thực hiện tốt nhất, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, nhiệm vụ SXKD năm 2015.

- Đào tạo nguồn nhân lực có đủ chuyên môn, trình độ, có lòng yêu nghề và có tâm huyết với nghề địa chất, đáp ứng được các yêu cầu cho giai đoạn trước mắt và các năm tiếp theo.

- Nắm bắt cơ hội, thực hiện đúng đường lối phát triển kinh tế xã hội của Đảng và Nhà nước trong giai đoạn 2016-2020; Vận dụng sáng tạo vào điều kiện cụ thể của Công ty, đồng thời tham mưu, tư vấn cho lãnh đạo TKV về công tác khảo sát thăm dò, để thực hiện thành công qui hoạch phát triển ngành than đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030.

- Tích cực đổi mới công tác quản lý, mở rộng các loại hình dịch vụ kỹ thuật, phục vụ yêu cầu quản lý kỹ thuật công nghệ khai thác tài nguyên khoáng sản.

- Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học, ứng dụng tiến bộ khoa học chuyên ngành khảo sát, thăm dò; Thường xuyên đào tạo, bồi dưỡng cán bộ làm công tác khoa học kỹ thuật và công nhân lành nghề, đáp ứng đòi hỏi về tiến bộ khoa học ngày càng cao của xã hội.

- Đầu tư, đổi mới thiết bị khảo sát thăm dò, với các thiết bị khoan sâu có chất lượng cao, công nghệ tiên tiến để không ngừng nâng cao chất lượng công trình, giảm sức lao động, đạt hiệu quả kinh tế cao. Tiếp tục nghiên cứu nâng cấp các phần mềm chuyên ngành về khảo sát, địa chất, phục vụ tốt công tác quản lý, cung cấp các cơ sở dữ liệu địa chất chính xác tin cậy cho khai thác mỏ.

- Thực hiện tốt quy chế đầu tư XDCB do Nhà nước, TKV ban hành, đặc biệt thực hiện tốt trình tự đầu tư, đảm bảo các dự án đầu tư đạt hiệu quả cao.

- Hoàn thiện cơ chế quản lý kinh tế - kỹ thuật, để đảm bảo hiệu quả nhất trong sản xuất kinh doanh, luôn thực hiện công tác tái cơ cấu mô hình quản lý từ các tổ đội sản xuất đến các bộ phận quản lý kinh tế - kỹ thuật trong Công ty, nhằm mục đích hoàn thiện cơ chế quản lý phù hợp nhất, hiệu quả nhất.

- Chủ động mở rộng thị trường khảo sát, thăm dò và Dịch vụ du lịch Địa chất bên ngoài Tập đoàn, để không ngừng tăng doanh thu, lợi nhuận của Công ty và thu nhập của người lao động.

5. Về lao động

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước, ngành Than đang tiến hành tái cấu trúc lại doanh nghiệp Nhà nước, để các doanh nghiệp có điều kiện thu hút các nguồn lực xã hội vào SXKD có hiệu quả, nâng cao khả năng cạnh tranh;

Theo đề án tái cơ cấu Tập đoàn TKV giai đoạn 2012 - 2015 đã được Chính phủ phê duyệt, Công ty đã triển khai tái cơ cấu năm 2014. Mặt khác để nâng cao hiệu quả SXKD của Công ty trong những năm 2016 và những năm tiếp theo. Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV là một trong số các đơn vị trong Tập đoàn TKV tiếp tục tái cơ cấu sẽ chuyển đổi sang hình thức Công ty Cổ phần.

* Tiến hành cổ phần hóa Công ty nhằm đạt mục tiêu :

Một là: Hoàn thành nhiệm vụ chính trị theo kế hoạch phối hợp kinh doanh của Tập đoàn giao; Cung cấp các sản phẩm dịch vụ, vật tư phục vụ sản xuất và tiêu thụ Than; Sản xuất kinh doanh có lãi;

Hai là: Đảm bảo việc làm, thu nhập cho người lao động và chi trả cổ tức cho các cổ đông hàng năm tối thiểu đạt từ 05 - 7% ;

Ba là: Nâng cao năng suất lao động, năng lực cạnh tranh; Gia tăng giá trị doanh nghiệp;

* Để đạt mục tiêu nêu trên cần thực hiện một số giải pháp:

+ Đảm bảo SXKD hiệu quả đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong công tác khảo sát thăm dò.

+ Về quản trị chi phí: Ngoài việc quản trị chặt chẽ chi phí nguyên nhiên vật liệu, rà soát, sửa đổi bổ sung và áp dụng các định mức kinh tế kỹ thuật tiên tiến, Công ty còn có khả năng tiết kiệm được hao phí lao động /Đơn vị sản phẩm, bằng việc bố trí và sử dụng lao động hợp lý, phát huy cao độ năng lực mọi thành viên trong doanh nghiệp.

+ Đối với số lao động dôi dư: Trong giai đoạn đầu có thể phải chấp nhận một phần thêm chi phí để giải quyết .

Để nâng cao hiệu quả SXKD của doanh nghiệp, phát huy được năng lực của người lao động sau khi chuyển sang Công ty Cổ phần; Căn cứ vào hiện trạng và nhu cầu sử dụng lao động phù hợp với kế hoạch kinh doanh của Công ty sau khi chuyển sang hình thức Công ty Cổ phần, phù hợp với các quy định của Pháp luật về lao động, Công ty dự kiến phương án sử dụng lao động sau cổ phần hóa như sau:

STT	Nội dung	Tổng số
I	Tổng số lao động tại thời điểm công bố GTDN (17.8.2015)	1.078
1	- Lao động không thuộc diện ký hợp đồng lao động	6
2	- Lao động làm việc theo HĐLĐ không xác định thời hạn	1.051
3	- Lao động làm việc theo HĐLĐ từ đủ 03 đến 36 tháng	5
4	- Lao động làm việc theo mùa vụ hoặc công việc dưới 3 tháng	16
II	Số lao động sẽ nghỉ việc tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	27
1	Số lao động đủ điều kiện hưu theo chế độ hiện hành	23
	- Nghị định 152/2006/NĐ- CP	13
	- Nghị định 63/2015/NĐ - CP	10
2	Số lao động chấm dứt hợp đồng lao động chia ra	
	- Hết hạn hợp đồng lao động	
	- Tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động	
	- Lý do theo quy định của pháp luật	
3	Lao động chờ nghỉ việc theo QĐ của Giám đốc	
4	Lao động không bố trí được việc làm tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp	04
	- Lao động thực hiện theo nghị định 63/2015/NĐ-CP	04
	- Số lao động thực hiện nghị định 132/2007/NĐ-CP	
	- Số lao động thực hiện theo Bộ luật lao động	
III	Số lao động còn hạn HĐLĐ chuyển sang Công ty Cổ phần	1.051
1	Số lao động mà HĐLĐ còn thời hạn	1.051
2	Số lao động nghỉ theo 3 chế độ BHXH chia ra	08
	- Ốm đau	
	- Thai sản	08
	- Tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp	
3	Số lao động tạm hoãn hợp đồng lao động	17
	- Nghĩa vụ quân sự	03
	- Nghĩa vụ công dân khác	
	- Bị tạm giam, tạm giữ	
	- Do 2 bên thỏa thuận, không quá 3 tháng	14

Trên cơ sở phương án sản xuất kinh doanh và nhu cầu lao động, căn cứ vào tình hình thực tế của Công ty, Công ty dự kiến cơ cấu lao động chuyển sang Công ty Cổ phần như sau:

Tiêu chí	Số lượng (người)	Tỷ lệ (%)
* Theo trình độ lao động	1.051	100
- Trên đại học	4	0,38
- Đại học	270	25,71
- Trung cấp, cao đẳng	76	7,24
- LĐ phổ thông	30	2,86
- Công nhân kỹ thuật	670	63,81
* Phân theo HĐ lao động	1.051	100
- HĐ không xác định thời hạn	1.030	98
- Hợp đồng thời hạn 1- 3 năm	5	0,48
- HĐ thời vụ	16	1,52
* Phân theo giới tính	1.051	100
- Nam	846	80,49
- Nữ	205	19,51

(Danh sách lao động sẽ chuyển sang làm việc ở Công ty Cổ phần Phụ lục số 10 kèm theo)

Khi chính thức chuyển sang hoạt động mô hình Công ty Cổ phần, Công ty tiếp tục sắp xếp, bố trí lao động theo các bộ phận (quản lý gián tiếp, phục vụ phụ trợ) phù hợp với quy định chung của Tập đoàn TKV để tăng thu nhập cho người lao động và tăng cổ tức cho cổ đông; cụ thể bằng các giải pháp:

- Tiếp tục truyền thông, động viên những người đã đủ điều kiện nghỉ hưu và nghỉ hưu trước tuổi hoặc tạo điều kiện cho CBCNV thôi việc nếu có nguyện vọng chấm dứt HĐLĐ theo chế độ Nhà nước quy định; Báo cáo Tập đoàn xin nguồn kinh phí để giải quyết chế độ cho lao động dôi dư (khi không bố trí được việc làm);

- Đào tạo và đào tạo lại đội ngũ CBCNV, để chuyển sang nghề đang cần bổ sung như: Khoan thăm dò địa chất, Khảo sát trắc địa, phân tích mẫu địa chất...

6. Tổng hợp một số chỉ tiêu chủ yếu của kế hoạch SXKD năm 2015 và trong 3 năm liền kề sau khi cổ phần hóa.

- Căn cứ văn bản số 6748/TKV-KH ngày 19/12/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, về việc thông báo các chỉ tiêu phối hợp kinh doanh năm 2015;

- Căn cứ văn bản số 1206/TKV-KH ngày 06/3/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, về báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch 5 năm 2011-2015 và xây dựng kế hoạch 5 năm 2016 - 2020;

- Công ty Địa chất mỏ đã lập kế hoạch sản xuất kinh doanh 5 năm giai đoạn 2016 - 2020, trình Tập đoàn TKV tại văn bản số: 145/TTr-ĐCM, ngày 13/3/2014 kế hoạch SXKD giai đoạn 2016 - 2020; Tuy nhiên hiện nay với những khó khăn trong thi công và dự báo khả năng nguồn vốn KSTD của TKV sẽ không tăng thêm trong những

năm tới, do vậy Công ty điều chỉnh lại kế hoạch sản xuất kinh doanh giai đoạn 2016 – 2018, với những chỉ tiêu chủ yếu như sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	DK TH hết năm 2015	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2018
1.	Kế hoạch ĐTXDCB	Tr.đồng	25.381	54.173	44.000	47.500
2.	Vốn điều lệ	Tr.đồng	90.000	108.000	108.000	108.000
3.	Tổng số lao động	người	1.194	1.200	1.210	1.215
4.	Tổng quỹ lương	Tr.đồng	102.500	114.036	118.295	122.222
5.	Thu nhập bình quân 1 người/tháng	1000đ/ng/th	7.154	7.919	8.147	8.382
6.	Các sản phẩm chủ yếu (Khoan thăm dò)	mét	112.000	115.000	118.000	122.000
7.	Tổng doanh thu	Tr.đồng	410.000	446.800	463.900	479.300
8.	Tổng chi phí	“	405.000	436.800	453.400	468.300
9.	Lợi nhuận thực hiện	“	5.000	10.000	10.500	11.000
10.	Tỷ lệ cổ tức			5,0	5,5	6,0

7. Phương án tái cơ cấu Công ty

Năm 2014 Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV đã tiến hành thực hiện chương trình tái cơ cấu (theo văn bản số 619/TKV-TCCB ngày 08/02/2014 của Tập đoàn TKV) và đã được Tập đoàn TKV phê duyệt phương án tái cơ cấu của Công ty (theo quyết định số 731/QĐ-TKV ngày 08 tháng 4 năm 2015 của Tập đoàn TKV).

Từ khi Công ty tái cơ cấu cho đến nay, quá trình sản xuất kinh doanh của Công ty đã ổn định, phát triển và thu nhập của người lao động được nâng lên. Do vậy, mô hình tổ chức quản lý, sản xuất của Công ty sau cổ phần vẫn giữ nguyên số phòng ban như hiện tại và sắp xếp theo mô hình cổ phần hóa, cụ thể:

7.1 Cơ quan Công ty

- Ban lãnh đạo, quản lý, điều hành:

+ Hội đồng quản trị

+ Ban điều hành: 06 người (Giám đốc, 04 Phó giám đốc, Kế toán trưởng)

- Ban kiểm soát

- Các phòng chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ của Công ty:

+ Đổi tên phòng Vật lý thành phòng Địa vật lý.

+ Đổi tên phòng Tổ chức lao động tiền lương thành phòng Tổ chức nhân sự.

+ Chuyển chức năng, nhiệm vụ của Trạm Y tế về phòng Tổ chức nhân sự.

Do vậy, số phòng ban chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ sau cổ phần gồm: 14 phòng chức năng (trong đó 11 phòng làm chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ; 03 phòng tham gia trực tiếp sản xuất).

+ Văn phòng (tên viết tắt là VP);

+ Phòng Tổ chức nhân sự (tên viết tắt là TCNS);

- + Phòng Tài chính kế toán (tên viết tắt là TCKT);
- + Phòng Kế hoạch thống kê (tên viết tắt là KHTK);
- + Phòng Vật tư (tên viết tắt là VT);
- + Phòng Đầu tư (tên viết tắt là ĐT);
- + Phòng Thanh tra - Bảo vệ - Kiểm toán (tên viết tắt là TBK);
- + Phòng Cơ điện vận tải (tên viết tắt là CĐVT);
- + Phòng Kỹ thuật sản xuất (tên viết tắt là KTSX);
- + Phòng An toàn - Môi trường (tên viết tắt là ATMT);
- + Phòng Địa chất (tên viết tắt là ĐC): vừa làm nội nghiệp và ngoại nghiệp.
- + Phòng Trắc địa (tên viết tắt là TĐ): Tham gia trực tiếp sản xuất.
- + Phòng Địa vật lý (tên viết tắt là ĐVL): Tham gia trực tiếp sản xuất.
- + Phòng Hóa nghiệm (tên viết tắt là HN): Tham gia trực tiếp sản xuất.

7.2. Các đơn vị trực thuộc

- Trung tâm Khoáng nóng địa chất
- Đội cơ khí
- Đội xe
- Các tổ khoan

7.3. Chi nhánh trực thuộc

- Xí nghiệp Địa chất Đông Triều

Sơ đồ cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty sau cổ phần: Có Phụ lục số 11 kèm theo Phương án này

8. Phương án tăng, giảm vốn điều lệ sau khi chuyển thành Công ty cổ phần

Trong 3 năm đầu cổ phần hóa Công ty không tăng vốn điều lệ

9. Đề xuất, kiến nghị

Cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV là cần thiết nhằm huy động vốn của các nhà đầu tư trong và ngoài nước để nâng cao năng lực tài chính, đầu tư cơ sở vật chất, kỹ thuật, đổi mới công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hoạt động của Công ty.

Để xây dựng Công ty ngày một phát triển, bền vững có thương hiệu trong lĩnh vực khoan thăm dò. Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV kiến nghị với Tập đoàn TKV một số nội dung sau:

- Xem xét giao kế hoạch thăm dò sớm từ đầu năm để Công ty chủ động sắp xếp, bố trí sản xuất cho hợp lý;
- Chuyển cho Công ty thành lập các báo cáo địa chất;
- Lựa chọn và Quyết định giao Vốn điều lệ phù hợp để Công ty thuận lợi- hoàn thành nhiệm vụ khi cổ phần hóa; Đảm bảo SXKD có hiệu quả và lợi ích cho các cổ đông.

Kính trình Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam xem xét và quyết định phê duyệt phương án cổ phần hóa để Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV tổ chức thực hiện các công việc tiếp theo.

PHẦN THỨ TƯ
TỔ CHỨC THỰC HIỆN PHƯƠNG ÁN ĐÃ DUYỆT

Sau khi phương án Cổ phần hóa của Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV được Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam phê duyệt và có Quyết định về việc chuyển Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV thành Công ty Cổ phần, Công ty dự kiến triển khai thực hiện phương án theo lịch trình dự kiến như sau:

STT	Nội dung công việc	Thời gian thực hiện
1	Tổ chức bán đấu giá cổ phần cho nhà đầu tư bên ngoài	11/2015
2	Tổ chức bán đấu giá cổ phần ưu đãi cho CB CNV	11/2015
3	Báo cáo kết quả bán cổ phần với Ban chỉ đạo cổ phần hóa	11/2015
4	Tổ chức Đại hội cổ đông thông qua Điều lệ, bầu Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và Phương án SXKD	12/2015
5	Hội đồng quản trị bổ nhiệm Ban Giám đốc Công ty cổ phần	12/2015
6	Làm thủ tục đăng ký kinh doanh và xin cấp dấu mới cho Công ty Cổ phần; in Sổ chứng nhận sở hữu cổ phần	12/2015
7	Thực hiện quyết toán phần vốn Nhà nước tại thời điểm được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	12/2015
8	Bàn giao danh sách lao động, tài sản, vốn và toàn bộ sổ sách, tài liệu cho Hội đồng quản trị	12/2015
9	Tổ chức ra mắt Công ty cổ phần, đăng báo theo quy định để Công ty cổ phần chính thức đi vào hoạt động	01/01/2016

Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV

TM. BCH CÔNG ĐOÀN CÔNG TY



Đào Minh Tuấn

GIÁM ĐỐC CÔNG TY



Nguyễn Văn Dậu

CÁC PHỤ LỤC ĐÍNH KÈM

- 1. Phụ lục số 01:** Sơ đồ tổ chức tại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp 01/4/2015.
- 2. Phụ lục số 02:** Danh sách lao động tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp 17/8/2015
- 3. Phụ lục số 03:** Danh sách lao động đăng ký mua cổ phần ưu đãi
- 4. Phụ lục số 04:** Danh sách người lao động không được mua cổ phần ưu đãi
- 5. Phụ lục số 05:** Danh sách lao động nghỉ việc tại thời điểm sắp xếp lại
- 6. Phụ lục số 06:** Danh sách lao động nghỉ hưu trước tuổi và dự toán kinh phí trả tại thời điểm quyết định nghỉ việc.
- 7. Phụ lục số 07:** Danh sách lao động dôi dư tuyển dụng trước ngày 21/4/1998 không đủ điều kiện nghỉ hưu trước tuổi, chấm dứt hợp đồng lao động và dự toán kinh phí trả tại thời điểm nghỉ việc.
- 8. Phụ lục số 08:** Báo cáo kết quả thực hiện giải quyết lao động dôi dư
- 9. Phụ lục số 09:** Danh sách lao động sẽ chuyển sang làm việc ở Công ty cổ phần tại thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp
- 10. Phụ lục số 10:** Sơ đồ tổ chức quản lý của Công ty sau khi cổ phần hóa

11. Các phụ lục khác có liên quan:

1. Biên bản hội nghị người lao động bất thường;
2. Nghị quyết hội nghị người lao động bất thường;
3. Biên bản họp giữa ban quản lý điều hành và BCH công đoàn về việc thống nhất phương án sử dụng quỹ phúc lợi và quỹ khen thưởng phân chia cho người lao động;
4. Các văn bản pháp lý liên quan đến cổ phần hóa

- Quyết định số 2322/QĐ-HĐTV ngày 28/9/2010 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, về việc phê duyệt Đề án và chuyển Công ty Địa chất mỏ - TKV thành Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - Vinacomin;

- Quyết định số 2475/QĐ-TKV ngày 19/11/2014 của Đội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, về việc đổi tên Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - Vinacomin thành Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV;

- Quyết định số 119/QĐ-TKV ngày 28/01/2015 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, về việc cổ phần hóa Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV;

- Quyết định số 1098/QĐ-TKV ngày 18/6/2015 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, về việc kiện toàn Ban chỉ đạo cổ phần hóa các doanh nghiệp thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam;

- Quyết định số 2732/QĐ-TKV ngày 24/12/2014 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, về việc thành lập các Tổ chỉ đạo tiến độ tái cơ cấu;

- Quyết định số 120/QĐ-ĐCM ngày 03/02/2015 của Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV, về việc thành lập Tổ công tác triển khai cổ phần hóa công ty;

- Quyết định số 1623/QĐ-HĐTV ngày 17/8/2015 của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam, về việc Phê duyệt giá trị doanh nghiệp Công ty TNHH một thành viên Địa chất mỏ - TKV (thời điểm 0h ngày 01/4/2015);

- Quyết định số 314/QĐ-TTg ngày 07/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án tái cơ cấu Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam giai đoạn 2012-2015; Công văn số 2656/TTg-ĐMDN ngày 29/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh Đề án tái cơ cấu TKV.

5. Chứng thư thẩm định giá bán khởi điểm

6. Điều lệ Công ty cổ phần

7. Bản Công bố thông tin

8. Hồ sơ sử dụng đất